

UBND HUYỆN ĐIỆN BIÊN

PHÊ DUYỆT DANH SÁCH HỌC SINH ĐƯỢC HỖ TRỢ TIỀN CHI PHÍ HỌC TẬP THEO NĐ 81/2021NĐ - CP NGÀY 27/8/2021 CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ TỪ THÁNG 01 ĐẾN HẾT THÁNG 05 NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số: 212 /QĐ - UBND, ngày 20 tháng 02 năm 2025 của UBND huyện Điện Biên)

STT	Họ và tên học sinh	Năm sinh		Lớp	Dân tộc	Họ tên Cha (mẹ) người giám hộ. Là người đứng tên chủ TK thanh toán qua tài khoản	Hộ khẩu thường trú	Đối Tượng được hưởng	Định mức hỗ trợ	Số tháng	Kinh phí hỗ trợ
		Nam	Nữ								
	Trường THCS xã Thanh Yên										72.000.000
1	Lò Xuân Nhi		2010	9D1	Thái	Lò Thị Thúy	Bản Hạ	Hộ nghèo	150.000	5	750.000
2	Nguyễn Thị Chân Nhi		2010	9D1	Kinh	Nguyễn Thị Vân	Thôn Tiến Thanh	Hộ nghèo	150.000	5	750.000
3	Cà Văn Hóa	2010		9D1	Thái	Lò Thị Thanh	Bản Chiềng Tông	TBĐBKK	150.000	5	750.000
4	Trần Lý Duy Phong	2010		9D1	Thổ	Lý Thị Lập	Bản Phú Yên	TBĐBKK	150.000	5	750.000
5	Phạm Thị Minh Thư		2010	9D1	Kinh	Bùi Thị Tuyền	Thôn Hoàng Yên	Hộ nghèo	150.000	5	750.000
6	Lý Diệu Châu		2010	9D1	Thổ	Vùi Thị Hòa	Bản Phú Yên	TBĐBKK	150.000	5	750.000
7	Lò Thị Hà		2010	9D1	Thái	Lường Thị Diên	Bản Chiềng Tông	TBĐBKK	150.000	5	750.000
8	Lường Xuân Quyết	2010		9D1	Thái	Lò Thị Út	Bản Chiềng Tông	TBĐBKK	150.000	5	750.000
9	Lý Kim Thoa		2010	9D1	Nùng	Lý Văn Long	Bản Phú Yên	TBĐBKK	150.000	5	750.000
10	Lò Văn Thủy	2010		9D1	Thái	Lò Văn Thương	Bản Chiềng Tông	TBĐBKK	150.000	5	750.000
11	Lý Văn Bằng	2010		9D2	Thổ	Lường Thị Danh	Bản Phú Yên	TBĐBKK	150.000	5	750.000
12	Lò Ngọc Quỳnh Chi		2010	9D2	Thái	Cà Thị Hạnh	Bản Chiềng Tông	TBĐBKK	150.000	5	750.000
13	Lò Mạnh Cường	2010		9D2	Thái	Lò Văn So	Bản Chiềng Tông	TBĐBKK	150.000	5	750.000
14	Trần Phạm Lan Nhi		2010	9D2	Kinh	Trần Đình Nhuận	Nà Hi, Nậm Pồ	Xã khu vực III	150.000	5	750.000
15	Trần Phạm Ngọc Nhi		2010	9D2	Kinh	Trần Đình Nhuận	Nà Hi, Nậm Pồ	Xã khu vực III	150.000	5	750.000
16	Lò Mai Phương Vy		2010	9D2	Thái	Lò Văn Thân	Bản Chiềng Tông	TBĐBKK	150.000	5	750.000
17	Cà Anh Hậu	2010		9D2	Thái	Lò Thị Thu	Hệ Muông	Xã khu vực III	150.000	5	750.000

STT	Họ và tên học sinh	Năm sinh		Lớp	Dân tộc	Họ tên Cha (mẹ) người giám hộ. Là người đứng tên chủ TK thanh toán qua tài khoản	Hộ khẩu thường trú	Đối Tượng được hưởng	Định mức hỗ trợ	Số tháng	Kinh phí hỗ trợ
		Nam	Nữ								
18	Nguyễn Thị Quế			9D3	Kinh	Lù Thị Thơi	Yên Sơn	Khuyết tật	150.000	5	750.000
19	Lò Anh Tuấn	2010		9D3	Thái	Tòng Thị Phong	Bản Bính	Khuyết tật	150.000	5	750.000
20	Lò Linh Long	2010		9D3	Thái	Lò Thị Hợp	Bản Noong Vai	Khuyết tật	150.000	5	750.000
21	Lường Thanh Diên	2010		9D3	Thái	Lò Thị Tĩnh	Bản Phượn	TBĐBKK	150.000	5	750.000
22	Lò Nhật Duy	2010		9D3	Thái	Lò Thị Hương	Bản Bính	Hộ nghèo	150.000	5	750.000
23	Lò Văn Nam	2010		9D3	Thái	Luong Thị Nhung	Bản Phượn	TBĐBKK	150.000	5	750.000
24	Hoàng Đình Dũng	2010		9D3	Tày	Hoàng Văn Tuấn	Bản Phú yên	TBĐBKK	150.000	5	750.000
25	Lò Văn Hạo Nguyên	2010		9D3	Thái	Lò Văn Lún	Chiềng Tông	TBĐBKK	150.000	5	750.000
26	Lò Văn Sinh	2010		9D3	Thái	Lò Thị Phúc	Bản Phượn	TBĐBKK	150.000	5	750.000
27	Đồng Thị Mai Linh		2011	8C1	Thái	Lò Thị Duyên	Yên Bình	Hộ nghèo	150.000	5	750.000
28	Triệu Phúc Tân	2011		8C1	Nùng	Lò Thị Thoa	Yên Sơn	Hộ nghèo	150.000	5	750.000
29	Lò Bảo Ngọc	2011		8C1	Thái	Lò Văn Bích	Bản Chiềng Tông	TBĐBKK	150.000	5	750.000
30	Lò Thị Phương Uyên		2011	8C1	Thái	Bùi Thị Hằng	Chiềng Tông	TBĐBKK	150.000	5	750.000
31	Lò Nhật Huy	2011		8C1	Thái	Lường Thị Thoan	Chiềng Tông	TBĐBKK	150.000	5	750.000
32	Đinh Thị Diệu Châu		2011	8C1	Thái	Lò Thị Hà Thu	Xã Mường Lói	Xã khu vực III	150.000	5	750.000
33	Hà Thị Thu Thảo		2011	8C1	Thổ	Hoàng Thị Xuân	Phú Yên	TBĐBKK	150.000	5	750.000
34	Lò Văn Duy	2011		8C1	Thái	Lò Văn Quân	Chiềng Tông	TBĐBKK	150.000	5	750.000
35	Quảng Hải Nam	2011		8C2	Thái	Quảng Thị Tiễn	Bản Hạ	Hộ nghèo	150.000	5	750.000
36	Quảng Thanh Tuyền	2011		8C2	Thái	Quảng Thị Pít	Bản Chiềng Tông	Hộ nghèo	150.000	5	750.000
37	Cà Thị Bảo Trúc		2011	8C2	Thái	Lò Thị Dinh	Pa Pháy	Hộ nghèo	150.000	5	750.000
38	Hoàng Việt Tuấn	2011		8C2	Tày	Hoàng Văn Dương	Bản Phú Yên	TBĐBKK	150.000	5	750.000
39	Lò Thị Kim Chi		2011	8C2	Thái	Lò Thị Khún	Bản Chiềng Tông	TBĐBKK	150.000	5	750.000

STT	Họ và tên học sinh	Năm sinh		Lớp	Dân tộc	Họ tên Cha (mẹ) người giám hộ. Là người đứng tên chủ TK thanh toán qua tài khoản	Hộ khẩu thường trú	Đối Tượng được hưởng	Định mức hỗ trợ	Số tháng	Kinh phí hỗ trợ
		Nam	Nữ								
40	Lò Tiến Đạt	2011		8C2	Thái	Quảng Thị Hiền	Bản Chiềng Tông	TBĐBKK	150.000	5	750.000
41	Lò Mạnh Quyền	2011		8C2	Thái	Lò Thị Tuyết	Bản Phượn	TBĐBKK	150.000	5	750.000
42	Trần Thị Lệ Quyên		2011	8C2	Thổ	Lý Thị Mẫn	Bản Phú Yên	TBĐBKK	150.000	5	750.000
43	Cà Mạnh Duy	2011		8C3	Thái	Quảng Thị Duyên	Bản Bói	Hộ nghèo	150.000	5	750.000
44	Nguyễn Văn Tình	2011		8C3	Tày	Nguyễn Văn Huân	Bản Yên Sơn	Hộ nghèo	150.000	5	750.000
45	Nguyễn Thị Hiền		2011	8C3	Nùng	Trần Thị Nhung	Bản Yên Sơn	Hộ nghèo	150.000	5	750.000
46	Trần Đức Nghĩa	2011		8C3	Nùng	Trần Tiến Dũng	Yên Sơn	Hộ nghèo	150.000	5	750.000
47	Lò Phương Thảo		2011	8C3	Thái	Lò Văn Thiên	Bản Phượn	TBĐBKK	150.000	5	750.000
48	Trần Ngọc Ánh		2011	8C3	Kinh	Trần văn Dũng	Nà hỳ 3. N Pồ	Xã khu vực III	150.000	5	750.000
49	Lò Văn Hoàng	2011		8C3	Thái	Lò Văn Thuyết	Bản Phượn	TBĐBKK	150.000	5	750.000
50	Lò Bảo Long	2011		8C3	Thái	Lò Văn Thành	Chiềng Tông	TBĐBKK	150.000	5	750.000
51	Hoàng Bảo An	2012		7B1	Tày	Vì Thị Hoa	Phú Yên	TBĐBKK	150.000	5	750.000
52	Lò Thị Phương Anh		2012	7B1	Thái	Lò Thị Them	Chiềng Tông	TBĐBKK	150.000	5	750.000
53	Lường An Bình	2012		7B1	Thái	Lò Thị Mai	Chiềng Tông	TBĐBKK	150.000	5	750.000
54	Lường Đức Công	2012		7B1	Thái	Lò Thị Hạnh	Bản Phượn	TBĐBKK	150.000	5	750.000
55	Lò Văn Đại	2012		7B1	Thái	Lường Thị Thiết	Bản Phượn	TBĐBKK	150.000	5	750.000
56	Lường Thị Ngọc Diệp		2012	7B1	Thái	Lò Thị Tâm	chiềng Tông	TBĐBKK	150.000	5	750.000
57	Lò Thị Hương Giang		2012	7B1	Thái	Lò Thị Hoa	Chiềng Tông	TBĐBKK	150.000	5	750.000
58	Lò Thị Bảo Hân		2012	7B1	Thái	Lò văn Học	Bản Phượn	TBĐBKK	150.000	5	750.000
59	Quảng Thị hạnh		2012	7B1	Thái	Quảng Thị Xiên	Chiềng Tông	TBĐBKK	150.000	5	750.000
60	Lò Thị Ngọc Hoa		2012	7B1	Thái	Lò Thị Minh	Bản Phượn	TBĐBKK	150.000	5	750.000
61	Lường Huy Hoàng	2012		7B1	Thái	Lường Văn Phương	Chiềng Tông	TBĐBKK	150.000	5	750.000

STT	Họ và tên học sinh	Năm sinh		Lớp	Dân tộc	Họ tên Cha (mẹ) người giám hộ. Là người đứng tên chủ TK thanh toán qua tài khoản	Hộ khẩu thường trú	Đối Tượng được hưởng	Định mức hỗ trợ	Số tháng	Kinh phí hỗ trợ
		Nam	Nữ								
62	Lò Văn Bảo Hưng	2012		7B1	Thái	Lò Văn Tuấn	Chiềng Tông	TBĐBKK	150.000	5	750.000
63	Lò Việt Kiều	2012		7B1	Thái	Lò Văn Họ	Chiềng Tông	TBĐBKK	150.000	5	750.000
64	Lò Thị Hồng Thơm		2012	7B1	Thái	Vì Thị Hằng	Chiềng Tông	TBĐBKK	150.000	5	750.000
65	Lò Thùy Linh		2012	7B1	Thái	Vì Thị Thơm	Bản Phượn	TBĐBKK	150.000	5	750.000
66	Nguyễn Hoàng Anh Vũ	2012		7B1	Thổ	Hoàng Thị Mai	Bản Phú Yên	TBĐBKK	150.000	5	750.000
67	Phạm Quang Hào	2012		7B1	Kinh	Nguyễn Thị Thương	Thanh hà	Khuyết tật	150.000	5	750.000
68	Vì Thị Ngọc Oanh		2012	7B1	Thái	Quảng Thị Thu	Bản Bánh	Khuyết tật	150.000	5	750.000
69	Cà Mạnh Phương	2012		7B2	Thái	Quảng Thị Duyên	Bản Pa Bói	Hộ nghèo	150.000	5	750.000
70	Nguyễn Thị Bảo Yến		2012	7B2	Tày	Lò Thị Thân	Bản Phượn	TBĐBKK	150.000	5	750.000
71	Lò Anh Kiệt	2012		7B2	Thái	Lò Thị Tiên	Bản Phượn	TBĐBKK	150.000	5	750.000
72	Đình Xuân Hòa	2012		7B3	Kinh	Hoàng Thị Duyên	Thôn Việt Yên	Hộ nghèo	150.000	5	750.000
73	Lò Thị Mai		2012	7B3	Thái	Lò Văn Hòa	Bản Pa Bói	Hộ nghèo	150.000	5	750.000
74	Nông Thị Bích Thùy		2012	7B3	Nùng	Nông Văn Đời	Bản Yên Sơn	Hộ Nghèo	150.000	5	750.000
75	Đình Thái Hoàng	2012		7B3	Thái	Lò Thị Hà Thu	Xã Mường Lói	Xã khu vực III	150.000	5	750.000
76	Ngọc Diễm Hằng		2012	7B3	Tày	Lường Thị Lan	Bản Phú Yên	TBĐBKK	150.000	5	750.000
77	Nguyễn Nam Đạt	2012		6A1	Kinh	Vũ Thị Lanh	Thôn Yên Trường	Khuyết tật	150.000	5	750.000
78	Nguyễn Khánh Hưng	2013		6A1	Kinh	Lò Thị Phương	Bản Phú Yên	TBĐBKK	150.000	5	750.000
79	Khoảng Tuấn Hưng	2013		6A1	Thái	Lò Thị Khún	Bản Chiềng Tông	TBĐBKK	150.000	5	750.000
80	Lò Vi Tiên	2013		6A1	Thái	Lò Văn Út	Bản Chiềng Tông	TBĐBKK	150.000	5	750.000
81	Quảng Thị Yến Chi		2013	6A1	Thái	Lò Thị Thu	Hệ Muông	Xã khu vực III	150.000	5	750.000
82	Quảng Thị Phương Thảo		2013	6A2	Thái	Quảng Văn Lâm	Chiềng Tông	TBĐBKK	150.000	5	750.000
83	Lò Đức Duy	2013		6A2	Thái	Lò Thị Loan	Chiềng Tông	TBĐBKK	150.000	5	750.000

STT	Họ và tên học sinh	Năm sinh		Lớp	Dân tộc	Họ tên Cha (mẹ) người giám hộ. Là người đứng tên chủ TK thanh toán qua tài khoản	Hộ khẩu thường trú	Đối Tượng được hưởng	Định mức hỗ trợ	Số tháng	Kinh phí hỗ trợ
		Nam	Nữ								
84	Quảng Việt Hoàng	2013		6A2	Thái	Lường Thị Thanh	Bản Phượn	TBĐBKK	150.000	5	750.000
85	Quảng Thị Tô Uyên		2013	6A2	Thái	Lường Thị Hải	Chiềng Tông	TBĐBKK	150.000	5	750.000
86	Tô Bảo Hân		2013	6A2	Thái	Cà Thị Thoa	Phi Nhừ. ĐBĐ	Xã khu vực III	150.000	5	750.000
87	Hà Mạnh Tùng	2013		6A2	Mường	Nguyễn Thị Tuyền	Pa Bói	Mồ côi	150.000	5	750.000
88	Hoàng Thị Thuý Nga		2013	6A2	Nùng	Hoàng Tuấn Anh	Bản Yên Sơn	Mồ côi	150.000	5	750.000
89	Lò Duy Đạt	2013		6A3	Thái	Lò Văn Tiến	Bản Chiềng Tông	Bản ĐBKK	150.000	5	750.000
90	Lò Thị Quỳnh Giang		2013	6A3	Thái	Lò Thị Nguyên	Bản Chiềng Tông	Bản ĐBKK	150.000	5	750.000
91	Lò Đức Khải	2013		6A3	Thái	Lò Thị Thoạn	Bản Chiềng Tông	Bản ĐBKK	150.000	5	750.000
92	Lò Kim Cúc		2013	6A3	Thái	Lường Thị Thi	Bản Phượn	Bản ĐBKK	150.000	5	750.000
93	Quảng Duy Tùng	2013		6A3	Thái	Tòng Thị Tóng	Bản Phượn	Bản ĐBKK	150.000	5	750.000
94	Lò Thị Minh Châu		2013	6A3	Thái	Lò Văn Tươi	Bản Chiềng Tông	Bản ĐBKK	150.000	5	750.000
95	Trần Thùy Trang		2013	6A3	Kinh	Trần Văn Đại	xã Hẹ Muông	Xã Khu vực III	150.000	5	750.000
96	Vì Nhật Minh	2013		6A3	Thái	Vì Văn Chương	Bản Nà Ngum	Mồ côi	150.000	5	750.000